

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

*Kèm theo*

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	02 – 04
<b>2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	05 - 06
<b>3. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét</b>	
- Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	07 – 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10
- Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 40

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội được cổ phần hóa theo Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội năm 2014 và Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội thuộc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội. Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 0100106803, đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 28 tháng 06 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty là 145.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm tỷ đồng), tương đương 14.500.000 cổ phần. Mệnh giá cổ phần 10.000 VND/Cổ phần.

#### 2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Dương Thị Lam	Chủ tịch HĐQT
Bà Ngô Lan Hương	Thành viên
Bà Phan Thị Thu Hiền	Thành viên
Bà Phạm Diễm Hoa	Thành viên
Bà Trần Huệ Linh	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thái Dũng	Giám đốc
Ông Chu Việt Cường	Phó Giám đốc
Bà Lê Thị Ngọc Diệp	Phó Giám đốc
Bà Đinh Thị Chuyên	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thu Hương	Trưởng ban (Miễn nhiệm 09/05/2023)
Ông Đào Mạnh Hùng	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 09/05/2023)
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên

#### 3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**Cấu trúc doanh nghiệp :****Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau :**

<u>Tên Công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ thực góp</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bắc Qua	Số 19 Phố Hàng Khoai, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	54,04%
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên	Số 21 Trần Khánh Dư, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam	51%
<u>Tên Công ty liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	KCN Hapro, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam	37,04%
Công ty Cổ phần Âm thực Hà Nội	Số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	27,59%

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

**5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện bất thường nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là Công ty thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty.

**7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản, thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

#### 8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2023

Thay mặt Ban Giám đốc



NGUYỄN THÁI DŨNG

Số: 91/2023/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2023

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội được lập ngày 15 tháng 08 năm 2023, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.


**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam 



**Dương Thị Thảo**  
Phó Tổng giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0162-2023-242-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 01a – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>13.980.301.038</b>	<b>25.911.157.864</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>2.462.429.285</b>	<b>2.461.358.856</b>
1. Tiền	111		2.462.429.285	2.461.358.856
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.691.578.753</b>	<b>9.780.571.884</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	3.849.728.610	4.717.153.924
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.330.607.793	1.226.352.710
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.8	4.500.000.000	4.500.000.000
4. Các khoản phải thu khác	136	5.4	17.386.351.264	16.429.361.664
5. Dự phòng phải thu khó đòi	137	5.17	(17.375.108.914)	(17.092.296.414)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>1.723.512.238</b>	<b>13.335.688.291</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.723.512.238	13.335.688.291
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>102.780.762</b>	<b>333.538.833</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	102.780.762	250.322.472
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	-	83.216.361
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>128.661.917.554</b>	<b>132.625.709.707</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>111.594.959</b>	<b>11.594.959</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	111.594.959	11.594.959
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>53.254.275.546</b>	<b>55.602.177.949</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	53.254.275.546	55.602.177.949
- Nguyên giá	222		126.654.577.714	126.926.793.099
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73.400.302.168)	(71.324.615.150)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	-	-
- Nguyên giá	228		227.000.000	227.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(227.000.000)	(227.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.307.864.029</b>	<b>3.307.864.029</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	3.307.864.029	3.307.864.029
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.11</b>	<b>71.620.834.781</b>	<b>73.101.024.558</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		85.714.473.001	85.714.473.001
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		17.900.000.000	17.900.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.173.049.254	1.173.049.254
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(33.166.687.474)	(31.686.497.697)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>367.348.239</b>	<b>603.048.212</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	367.348.239	603.048.212
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>142.642.218.592</b>	<b>158.536.867.571</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu số B 01a – DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>60.723.233.616</b>	<b>66.568.707.360</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>56.163.178.828</b>	<b>63.118.969.072</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	2.143.245.913	2.892.410.176
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	23.983.987	48.382.083
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	3.115.988.637	574.791.262
4. Phải trả người lao động	314		542.833.793	956.390.129
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		178.128.916	39.055.109
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	1.590.368.291	1.381.508.435
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	6.169.096.952	3.878.327.355
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	42.285.456.000	53.234.028.184
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		114.076.339	114.076.339
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.560.054.788</b>	<b>3.449.738.288</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	4.560.054.788	3.449.738.288
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>81.918.984.976</b>	<b>91.968.160.211</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.19</b>	<b>81.918.984.976</b>	<b>91.968.160.211</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		285.291.856	285.291.856
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		540.000.000	540.000.000
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(63.906.306.880)	(53.857.131.645)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(53.980.252.259)	(45.211.720.893)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(9.926.054.621)	(8.645.410.752)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>142.642.218.592</b>	<b>158.536.867.571</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Phùng Thị Thúy

Kế toán trưởng

Vũ Thị Mai Hồng



Nguyễn Thái Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 02a – DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	43.727.534.879	50.446.544.487
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	99.674.871	14.947.800
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		43.627.860.008	50.431.596.687
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	37.527.338.560	36.799.871.923
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.100.521.448	13.631.724.764
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	307.872.185	377.839.390
7. Chi phí tài chính	22	6.5	4.104.378.888	4.854.746.624
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.624.189.111	2.923.706.631
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	3.745.795.862	4.395.295.272
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	8.367.781.159	7.968.585.866
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9.809.562.276)	(3.209.063.608)
11. Thu nhập khác	31	6.6	32.283.346	141.038.283
12. Chi phí khác	32	6.7	148.775.691	500.000
13. Lợi nhuận khác	40		(116.492.345)	140.538.283
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(9.926.054.621)	(3.068.525.325)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(9.926.054.621)	(3.068.525.325)

Người lập biểu

Phùng Thị Thúy

Kế toán trưởng

Vũ Thị Mai Hồng

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2023

Giám đốc



Nguyễn Thái Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 03a – DN

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		48.822.175.922	56.786.360.727
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(29.381.055.066)	(32.869.110.960)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.429.846.307)	(4.139.076.043)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(343.419.514)	(1.352.014.781)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(32.578.620)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.660.843.342	5.717.252.764
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7.403.355.011)	(13.246.267.896)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>10.912.764.746</b>	<b>10.897.143.811</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(68.111.955)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		11.818.182	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(42.333.780.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.059.685	5.026.890
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>36.877.867</b>	<b>(38.396.865.065)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.933.163.095	59.785.432.726
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(14.881.735.279)	(33.940.923.719)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(10.948.572.184)</b>	<b>25.844.509.007</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>1.070.429</b>	<b>(1.655.212.247)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.461.358.856	4.190.087.335
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>2.462.429.285</b>	<b>2.534.875.088</b>


Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phùng Thị Thúy

Vũ Thị Mai Hồng

Nguyễn Thái Dũng

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội được cổ phần hóa theo Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội năm 2014 và Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội thuộc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội. Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 0100106803, đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 28 tháng 06 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty là 145.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm tỷ đồng), tương đương 14.500.000 cổ phần. Mệnh giá cổ phần 10.000 VND/Cổ phần.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ, sản xuất, kinh doanh thương mại thực phẩm.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác. Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn các sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và các thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim sơn trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán lẻ đồ điện dân dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ chơi, trò chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và hàng giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và các vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ nước hoa, hàng mỹ phẩm, và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ đồng hồ, kính mắt, máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ, nhà khách và nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp:**

Trụ sở chính của Công ty tại số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 30/06/2023, số lượng lao động của Công ty là 44 người.

Ngoài ra, Công ty còn có các công ty con, công ty liên kết. Chi tiết:

<u>Tên Công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ thực góp</u>
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Bắc Qua	Số 19 Phố Hàng Khoai, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	54,04%
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên	Số 21 Trần Khánh Dư, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam	51%
<u>Tên Công ty liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	KCN Hapro, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam	37,04%
Công ty Cổ phần Ẩm thực Hà Nội	Số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	27,59%

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

### Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

## 3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của công ty được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

### 4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 4.2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

### 4.3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần luy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

#### **Các khoản cho vay**

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

#### **Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:**

(i) Có thời hạn thu hồi vốn trên 90 ngày và dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

(ii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

#### **Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

- Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

- Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

#### **4.4. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### **4.5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho"; Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

#### **4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

##### **4.6.1 Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn của pháp luật.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

##### **4.6.2 Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn của pháp luật.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Phần mềm máy vi tính	05 năm
----------------------	--------

#### **4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí đầu tư xây dựng, bao gồm chi phí thuê nhà thầu thi công, chi phí lãi vay và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính



sách kế toán của công ty. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty được ghi nhận theo giá gốc.

#### **4.8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

#### **4.9. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

#### **4.10. Ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### **4.11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **4.12. Vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **4.13. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (v) Thu nhập khác là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

#### **4.14. Doanh thu chưa thực hiện**

Phần ảnh số hiện có và tình hình tăng, giảm doanh thu chưa thực hiện của doanh nghiệp trong năm tài chính. Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

#### **4.15. Chi phí hoạt động tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **4.16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong năm, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

#### **4.17. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

#### **4.18. Thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Thuế suất thuế GTGT đối với hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty là 10%

**Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

#### **4.19. Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

#### **4.20. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **4.21. Các bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số 8.5.

**4.22. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có lĩnh vực kinh doanh chính là: Bán buôn, bán lẻ hàng hoá, thành phẩm và cung cấp dịch vụ.

**Khu vực địa lý:**

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu tại miền Bắc.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

<b>5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Tiền mặt	4.597.198	23.533.554
Tiền gửi ngân hàng	2.457.832.087	2.437.825.302
<b>Cộng</b>	<b>2.462.429.285</b>	<b>2.461.358.856</b>
<b>5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG</b>	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>3.849.728.610</b>	<b>4.717.153.924</b>
Công ty TNHH Du lịch và Thương mại Châu Á Thái Bình Dương	842.670.752	842.670.752
Công ty Cổ phần Phúc Thành Việt Nam	301.741.811	291.775.676
Công ty Cổ phần nhà hàng Quốc Tế	287.301.547	287.301.547
Công ty TNHH Xuất - nhập khẩu và bán lẻ hàng tiêu dùng Hà Nội	663.164.653	807.429.665
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	419.534.007	-
Công ty Cổ phần Kids Plaza	-	823.135.113
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.335.315.840	1.664.841.171
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>3.849.728.610</b>	<b>4.717.153.924</b>
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN</b>	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>1.330.607.793</b>	<b>1.226.352.710</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm	312.692.923	312.692.923
Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	213.748.023	267.113.916
Molika	245.757.313	245.757.313
CN Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long - TT tư vấn , thiết kế giám sát hệ thống PCCC và TBBV	125.017.443	-
Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	433.392.091	400.788.558
<b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.330.607.793</b>	<b>1.226.352.710</b>
<b>c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>312.692.923</b>	<b>312.692.923</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm	312.692.923	312.692.923

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

**5.4 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>17.386.351.264</b>	<b>(10.459.171.581)</b>	<b>16.429.361.664</b>	<b>(10.176.359.081)</b>
- Tam ứng	6.927.179.683	-	6.253.002.583	-
- Phải thu khác	10.459.171.581	(10.459.171.581)	10.176.359.081	(10.176.359.081)
+ Lãi cho vay Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	4.461.006.946	(4.461.006.946)	4.223.444.446	(4.223.444.446)
+ Lãi cho vay Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bắc Qua	2.740.822.233	(2.740.822.233)	2.740.822.233	(2.740.822.233)
+ Lãi cho vay Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội	736.804.555	(736.804.555)	691.554.555	(691.554.555)
+ Nguyễn Quốc Hùng (*)	2.260.864.514	(2.260.864.514)	2.260.864.514	(2.260.864.514)
+ Các khoản khác	259.673.333	(259.673.333)	259.673.333	(259.673.333)
<b>b) Dài hạn</b>	<b>111.594.959</b>	<b>-</b>	<b>11.594.959</b>	<b>-</b>
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	111.594.959	-	11.594.959	-
<b>Cộng</b>	<b>17.497.946.223</b>	<b>(10.459.171.581)</b>	<b>16.440.956.623</b>	<b>(10.176.359.081)</b>

(\*) Khoản phải thu Ông Nguyễn Quốc Hùng về tài sản thiếu hụt của Trung tâm Kinh doanh thực phẩm tổng hợp sau khi chấm dứt hoạt động mà Ông Nguyễn Quốc Hùng phải chịu trách nhiệm thu hồi và hoàn trả cho Công ty theo Biên bản làm việc ngày 24/5/2017 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội.

**c) Phải thu khác là các bên liên quan**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	4.461.006.946	(4.461.006.946)	4.223.444.446	(4.223.444.446)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bắc Qua	2.740.822.233	(2.740.822.233)	2.740.822.233	(2.740.822.233)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**Mẫu số B 09a - DN****5.5 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					<b>126.926.793.099</b>
Số dư đầu kỳ	118.070.957.154	4.034.060.442	3.158.356.777	1.663.418.726	
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- <i>Mua trong kỳ</i>	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	220.277.865	-	51.937.520	272.215.385
- <i>Thanh lý</i>	-	220.277.865	-	51.937.520	272.215.385
Số dư cuối kỳ	118.070.957.154	3.813.782.577	3.158.356.777	1.611.481.206	<b>126.654.577.714</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					<b>71.324.615.150</b>
Số dư đầu kỳ	63.243.252.522	3.382.368.499	3.061.807.323	1.637.186.806	
Tăng trong kỳ	2.240.412.193	80.310.756	19.309.884	7.869.570	2.347.902.403
- <i>Số khấu hao trong kỳ</i>	2.240.412.193	80.310.756	19.309.884	7.869.570	2.347.902.403
- <i>Tăng khác</i>	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	220.277.865	-	51.937.520	272.215.385
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	220.277.865	-	51.937.520	272.215.385
Số dư cuối kỳ	65.483.664.715	3.242.401.390	3.081.117.207	1.593.118.856	<b>73.400.302.168</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					<b>55.602.177.949</b>
1. Tại ngày 01/01/2023	54.827.704.632	651.691.943	96.549.454	26.231.920	
2. Tại ngày 30/06/2023	52.587.292.439	571.381.187	77.239.570	18.362.350	

• Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2023 của TSCĐ đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: - VND

• Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2023 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 19.074.995.328 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

**5.6 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

KHOẢN MỤC	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
Số dư tại 01/01/2023	227.000.000	227.000.000
Số dư tại 30/06/2023	227.000.000	227.000.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư tại 01/01/2023	227.000.000	227.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2023	227.000.000	227.000.000
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2023	-	-
Tại ngày 30/06/2023	-	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết tại ngày 30/06/2023 nhưng vẫn còn sử dụng: 227.000.000 VND

**5.7 . HÀNG TÓN KHO**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	24.375.004	-	24.375.004	-
Hàng hóa	1.699.137.234	-	13.310.874.175	-
Hàng gửi bán	-	-	439.112	-
<b>Cộng</b>	<b>1.723.512.238</b>	<b>-</b>	<b>13.335.688.291</b>	<b>-</b>

**5.8 . PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm (1)	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội (2)	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>(4.500.000.000)</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>(4.500.000.000)</b>
<b>b) Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm (1)	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>3.500.000.000</b>	<b>(3.500.000.000)</b>	<b>3.500.000.000</b>	<b>(3.500.000.000)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

(1) Phải thu về cho vay với Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc gia cầm theo các hợp đồng sau:

- Theo Hợp đồng số 17/HĐTD ngày 07/12/2012, số tiền cho vay: 2.000.000.000 VND, thời hạn cho vay: 3 tháng, lãi suất cho vay: 15%/năm, mục đích vay nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo Phụ lục số 06-17/PLHĐTD ngày 01/11/2014 sửa đổi lãi suất thành 9%/năm từ 01/11/2014 và phụ lục số 07-17/PLHĐTD ngày 02/01/2015 gia hạn thời gian cho vay đến 30/06/2015.

- Theo Hợp đồng số 55/HĐTD ngày 26/08/2014, số tiền cho vay: 1.500.000.000 VND, thời hạn cho vay: 12 tháng, lãi suất cho vay: 10%/năm, mục đích vay nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Phụ lục số 01-55/PLHĐTD ngày 01/11/2014 sửa đổi lãi suất thành 9%/năm từ 01/11/2014.

(2) Theo hợp đồng số 60/HĐVV-PTST ngày 01/06/2013 với Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội, số tiền cho vay: 1.000.000.000 VND, thời hạn cho vay: 3 tháng, lãi suất cho vay: 13%/năm, mục đích vay nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Phụ lục số 04-60/PLHĐVV-PTST sửa đổi lãi suất thành 9%/năm và gia hạn thời gian cho vay đến 31/12/2015.

**5.9 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Dự án: "Đầu tư xây dựng Khu nhà ở" tại địa chỉ số 54 ngõ 459 Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội (1)

30/06/2023

01/01/2023

1.239.269.981

1.239.269.981

Dự án: "Trung tâm thương mại và Dịch vụ Cửu Long" tại địa chỉ số 253 Phố Vọng, Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội (2)

2.068.594.048

2.068.594.048

**Cộng****3.307.864.029****3.307.864.029**

(1) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 629/2009/HANOIFOOD-COTANA ngày 02/11/2009 giữa Công ty TNHH Nhà nước MTV Thực phẩm Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội) gọi là bên (A) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana) gọi là bên (B). Mục đích của hợp đồng là Hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng khu đất tại ngõ 459 Bạch Mai - Hai Bà Trưng - Hà Nội, thực hiện dự án đầu tư xây dựng tòa nhà chung cư trên khu đất này với quy mô xây dựng dự kiến: Tổng diện tích khu đất 2.085,9 m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng 50%; đất xây dựng tòa nhà chung cư 25 tầng với 1.000 m<sup>2</sup>; diện tích xây dựng sân vườn, đường nội bộ 1.085,9 m<sup>2</sup>.

(2) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 103/HĐKTKD ngày 13/09/2010 giữa Công ty TNHH Nhà nước MTV Thực phẩm Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội) gọi là bên (A) và Liên doanh Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Delta - Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới (Vinaconex R&D) do Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Delta làm đại diện gọi là bên (B). Lô đất là phần diện tích đất tại 253 Phố Vọng - Hai Bà Trưng - Hà Nội có diện tích 3.255,7 m<sup>2</sup>, diện tích thực tế được xác định theo biên bản bàn giao đất. Mục đích của hợp đồng hợp tác kinh doanh để cùng triển khai thực hiện Dự án, khai thác kinh doanh mặt bằng dự án sau đầu tư và phân chia lợi nhuận từ hoạt động trên khu đất trên. Sản phẩm của hợp đồng này là diện tích tính theo m<sup>2</sup> của căn hộ, văn phòng và các phần diện tích hữu ích khác trong phạm vi lô đất, các dịch vụ sinh lời có thể phát sinh theo thời gian.

**5.10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC****a) Ngắn hạn**

*Công cụ dụng cụ xuất dùng*

*Các khoản khác*

**b) Dài hạn**

*Công cụ dụng cụ xuất dùng*

*Lợi thế kinh doanh*

*Các khoản khác*

**Cộng**

30/06/2023

01/01/2023

102.780.762

250.322.472

-

250.322.472

102.780.762

-

367.348.239

603.048.212

59.260.838

103.802.576

189.509.350

241.193.728

118.578.051

258.051.908

**470.129.001****853.370.684**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mẫu số B 09a - DN

**5.11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá trị hợp lý (*)
<b>c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>104.787.522.255</b>	<b>(33.166.687.474)</b>	<b>104.787.522.255</b>	<b>(31.686.497.697)</b>
- Đầu tư vào Công ty con	85.714.473.001	(16.947.907.114)	85.714.473.001	(15.516.190.621)
+ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bắc Qua (1)	64.848.040.000	(16.947.907.114)	64.848.040.000	(15.516.190.621)
+ Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên (2)	20.866.433.001	-	20.866.433.001	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	17.900.000.000	(15.830.358.471)	17.900.000.000	(15.781.885.187)
+ Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc, Gia cầm (3)	17.500.000.000	(15.679.906.783)	17.500.000.000	(15.678.743.680)
+ Công ty Cổ phần Âm thực Hà Nội (4)	400.000.000	(150.451.688)	400.000.000	(103.141.507)
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.173.049.254	(388.421.889)	1.173.049.254	(388.421.889)
+ Công ty Cổ phần Thủy sản Kiên Giang	100.000.000	-	100.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến Thực phẩm Hà Nội	1.073.049.254	(388.421.889)	1.073.049.254	(388.421.889)

**- Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết, liên doanh trong năm:**

(1) Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Bắc Qua thành lập và đăng ký lần đầu ngày 03/01/2008, người đại diện theo pháp luật là Ông Vũ Thanh Sơn, vốn điều lệ tại ngày 30/06/2023 là 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn).

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Bắc Qua là đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật hạ tầng trung tâm thương mại, kinh doanh siêu thị, nhà hàng, khách sạn.

(2) Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên thành lập và đăng ký lần đầu ngày 28/11/2008, người đại diện theo pháp luật là Ông Vũ Thanh Sơn, vốn điều lệ tại ngày 30/06/2023 là 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng chẵn).

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên là Kinh doanh thương mại dịch vụ.

(3) Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc, Gia cầm thành lập và đăng ký lần đầu ngày 17/01/2007, người đại diện theo pháp luật là Ông Trần Duy Hiền, vốn điều lệ tại ngày 30/06/2023 là 47.250.000.000 đồng (Bốn mươi bảy tỷ hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Gia súc, gia cầm là Sản xuất thực phẩm.

(4) Công ty Cổ phần Âm thực Hà Nội thành lập và đăng ký lần đầu ngày 23/03/2013, người đại diện theo pháp luật là Bà Vũ Thị Thu Hương. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Âm thực Hà Nội là Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

(\*) Xem thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.4.IV - Giá trị hợp lý

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

5.12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>2.143.245.913</b>	<b>2.143.245.913</b>	<b>2.892.410.176</b>	<b>2.892.410.176</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên	50.000.000	50.000.000	583.610.000	583.610.000
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	330.571.127	330.571.127	441.380.540	441.380.540
Công ty Cổ phần dịch vụ khai thác Bất Động Sản Việt Nam	210.620.086	210.620.086	195.716.903	195.716.903
Phải trả cho các đối tượng khác	1.552.054.700	1.552.054.700	1.671.702.733	1.671.702.733
<b>Cộng</b>	<b>2.143.245.913</b>	<b>2.143.245.913</b>	<b>2.892.410.176</b>	<b>2.892.410.176</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên	50.000.000	50.000.000	583.610.000	583.610.000
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>	<b>583.610.000</b>	<b>583.610.000</b>
<b>5.13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC</b>				
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>23.983.987</b>	<b>23.983.987</b>	<b>48.382.083</b>	<b>48.382.083</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại tổng hợp Vincommerce	8.623.855	8.623.855	8.623.855	8.623.855
Công ty Cổ phần Veetex	-	-	13.047.983	13.047.983
CN Công ty TNHH MTV Hội nhập phát triển Đông Hưng	5.378.734	5.378.734	5.378.734	5.378.734
Công ty cổ phần Thực Phẩm Bình Hưng	8.649.870	8.649.870	-	-
Đối tượng khác	1.331.528	1.331.528	21.331.511	21.331.511
<b>b) Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>23.983.987</b>	<b>23.983.987</b>	<b>48.382.083</b>	<b>48.382.083</b>
<b>c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>				

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Mẫu số B 09a - DN**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

**5.14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2023
<b>a) Phải nộp</b>	<b>574.791.262</b>	<b>6.182.584.504</b>	<b>3.641.387.129</b>	<b>3.115.988.637</b>
- Thuế GTGT	220.399.226	1.743.956.485	1.162.292.690	802.063.021
- Thuế TNDN	-	32.578.620	32.578.620	-
- Thuế TNCN	14.934.867	143.575.862	140.776.955	17.733.774
- Tiền nhà đất, tiền thuê đất	-	4.228.405.203	2.270.288.023	1.958.117.180
- Các loại thuế khác	-	34.068.334	34.068.334	-
- Các khoản phí, lệ phí	339.457.169	-	1.382.507	338.074.662
	<b>01/01/2023</b>	<b>Số phải thu trong kỳ</b>	<b>Số đã thu trong kỳ</b>	<b>30/06/2023</b>
<b>b) Phải thu</b>	<b>83.216.361</b>	-	<b>83.216.361</b>	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	83.216.361	-	83.216.361	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.15 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

<b>a) Ngắn hạn</b>	30/06/2023	01/01/2023
- Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	1.590.368.291	1.381.508.435
<b>Cộng</b>	<b>1.590.368.291</b>	<b>1.381.508.435</b>

**5.16 . PHẢI TRẢ KHÁC**

<b>a) Ngắn hạn</b>	30/06/2023	01/01/2023
Phải trả, phải nộp khác	6.169.096.952	3.878.327.355
+ Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	6.149.257.252	3.868.487.655
+ Khác	19.839.700	9.839.700
<b>b) Dài hạn</b>	<b>4.560.054.788</b>	<b>3.449.738.288</b>
Nhận kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn	4.560.054.788	3.449.738.288
<b>Cộng</b>	<b>10.729.151.740</b>	<b>7.328.065.643</b>
<b>c) Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	6.149.257.252	3.868.487.655
<b>Cộng</b>	<b>6.149.257.252</b>	<b>3.868.487.655</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**Mẫu số B 09a - DN**

Đơn vị tính: VND

**5.17 NỢ XẤU**

	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Hợp tác xã Sông Công	175.000.000	-	(175.000.000)	175.000.000	-	(175.000.000)
Công ty CP Phát triển thương mại và Du lịch Hà Nội	84.673.333	-	(84.673.333)	84.673.333	-	(84.673.333)
Nguyễn Quốc Hùng	2.260.864.514	-	(2.260.864.514)	2.260.864.514	-	(2.260.864.514)
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	7.961.006.946	-	(7.961.006.946)	7.723.444.446	-	(7.723.444.446)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bắc Qua	2.740.822.233	-	(2.740.822.233)	2.740.822.233	-	(2.740.822.233)
Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội	1.736.804.555	-	(1.736.804.555)	1.691.554.555	-	(1.691.554.555)
Các đối tượng khác	2.415.937.333	-	(2.415.937.333)	2.415.937.333	-	(2.415.937.333)
<b>Cộng</b>	<b>17.375.108.914</b>	<b>-</b>	<b>(17.375.108.914)</b>	<b>17.092.296.414</b>	<b>-</b>	<b>(17.092.296.414)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**Mẫu số B 09a - DN**

Đơn vị tính: VND

**5.18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Trong kỳ				Số có khả năng trả nợ
	30/06/2023	Tăng	Giảm	Giá trị	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			
<b>a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>	<b>42.285.456.000</b>	<b>42.285.456.000</b>	<b>3.933.163.095</b>	<b>14.881.735.279</b>	<b>53.234.028.184</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>41.812.200.000</b>	<b>41.812.200.000</b>	<b>3.933.163.095</b>	<b>14.408.349.279</b>	<b>52.287.386.184</b>
- Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP (1)	41.812.200.000	41.812.200.000	-	-	41.812.200.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - chi nhánh Hà Nội	-	-	3.933.163.095	14.408.349.279	10.475.186.184
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>473.256.000</b>	<b>473.256.000</b>	-	<b>473.386.000</b>	<b>946.642.000</b>
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà (2)	473.256.000	473.256.000	-	473.386.000	946.642.000
<b>b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>42.285.456.000</b>	<b>42.285.456.000</b>	<b>3.933.163.095</b>	<b>14.881.735.279</b>	<b>53.234.028.184</b>
<b>c) Vay và nợ thuế tài chính các bên liên quan</b>	<b>41.812.200.000</b>	<b>41.812.200.000</b>	-	-	<b>41.812.200.000</b>
- Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP(1)	41.812.200.000	41.812.200.000	-	-	41.812.200.000

(1) Khoản vay Tổng công ty Thương mại Hà Nội - CTCP theo Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 01/2022/HAPRO-THUCPHAM ngày 28/2/2022 và Phụ lục hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 01/2022/HAPRO-THUCPHAM-PL05 ngày 28/5/2023;

- Số tiền vay là 41.812.200.000 VND;

- Mục đích sử dụng tiền vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất vay 11%/năm;

- Thời hạn vay: đến ngày 28/06/2023.

(2) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam theo hợp đồng số 1260LAV201700266 kỳ ngày 23/11/2017; hạn mức tín dụng là 9.800.000.000 đồng; mục đích khoản vay để đầu tư xây dựng dự án 'Cửa hàng thương mại dịch vụ Đồng Xuân'; thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất cho vay trong hạn là 10,5%/năm. Tài sản đảm bảo chính là tài sản hình thành trong tương lai thuộc công trình xây dựng Cửa hàng thương mại Đồng Xuân tại số 26 Cao Thắng, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mẫu số B 09a - DN

**5.19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2022</b>	<b>145.000.000.000</b>	<b>285.291.856</b>	<b>540.000.000</b>	<b>(45.211.720.893)</b>	<b>100.613.570.963</b>
Tặng khác	-	-	-	-	-
Lãi (lỗ) trong kỳ	-	-	-	(8.645.410.752)	(8.645.410.752)
Tặng khác	-	-	-	-	-
Chuyển quỹ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>145.000.000.000</b>	<b>285.291.856</b>	<b>540.000.000</b>	<b>(53.857.131.645)</b>	<b>91.968.160.211</b>
Tặng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lãi (lỗ) trong kỳ	-	-	-	(9.926.054.621)	(9.926.054.621)
Tặng khác	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	123.120.614	123.120.614
<b>Số dư tại ngày 30/06/2023</b>	<b>145.000.000.000</b>	<b>285.291.856</b>	<b>540.000.000</b>	<b>(63.906.306.880)</b>	<b>81.918.984.976</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

**5.19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

<b>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp (%)</b>	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần	20,00%	28.995.500.000	28.995.500.000
CTCP Chứng khoán Phó Wall	18,76%	27.204.000.000	27.204.000.000
Các cổ đông khác	61,24%	88.800.500.000	88.800.500.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>145.000.000.000</b>	<b>145.000.000.000</b>
<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
- Vốn góp đầu năm		145.000.000.000	145.000.000.000
- Vốn góp cuối năm		145.000.000.000	145.000.000.000
<b>d) Cổ phiếu</b>		<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành			
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		14.500.000	14.500.000
- Cổ phiếu phổ thông		14.500.000	14.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		14.500.000	14.500.000
- Cổ phiếu phổ thông		14.500.000	14.500.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:		10.000 đồng	10.000 đồng
<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp</b>		<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
- Quỹ đầu tư phát triển		540.000.000	540.000.000

**6 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

<b>6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
<b>Doanh thu</b>	<b>43.727.534.879</b>	<b>50.446.544.487</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	28.884.087.587	38.150.836.740
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.843.447.292	12.295.707.747
<b>Cộng</b>	<b>43.727.534.879</b>	<b>50.446.544.487</b>
<b>6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Giảm giá hàng bán	-	14.947.800
Hàng bán bị trả lại	99.674.871	-
<b>Cộng</b>	<b>99.674.871</b>	<b>14.947.800</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
<b>6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>		
Giá vốn của hàng đã bán	<b>37.527.338.560</b>	<b>36.799.871.923</b>
- Giá vốn hàng bán	33.795.204.183	32.895.043.053
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3.732.134.377	3.904.828.870
<b>Cộng</b>	<b>37.527.338.560</b>	<b>36.799.871.923</b>
<b>6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
- Lãi tiền gửi, cho vay	307.872.185	377.839.390
<b>Cộng</b>	<b>307.872.185</b>	<b>377.839.390</b>
<b>6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
- Lãi tiền vay	2.624.189.111	2.923.706.631
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	16.048.835
- Các khoản dự phòng	1.480.189.777	1.914.991.158
<b>Cộng</b>	<b>4.104.378.888</b>	<b>4.854.746.624</b>
<b>6.6 . THU NHẬP KHÁC</b>		
- Thanh lý nhượng bán tài sản	11.818.182	-
- Các khoản khác	20.465.164	141.038.283
<b>Cộng</b>	<b>32.283.346</b>	<b>141.038.283</b>
<b>6.7 . CHI PHÍ KHÁC</b>		
- Các khoản bị phạt	148.775.691	500.000
<b>Cộng</b>	<b>148.775.691</b>	<b>500.000</b>
<b>6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>		
<b>a) Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>3.745.795.862</b>	<b>4.395.295.272</b>
Chi phí nhân viên	1.643.014.615	2.029.837.042
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì, vật liệu quản lý	-	690.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.309.884	273.027.213
Chi phí dịch vụ mua ngoài	767.933.061	771.308.459
Chi phí khác bằng tiền	1.315.538.302	1.320.432.558

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

b) Các chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	8.367.781.159	7.968.585.866
Chi phí nhân viên	1.908.757.187	2.164.030.430
Chi phí đồ dùng văn phòng	14.454.000	7.167.700
Chi phí khấu hao tài sản cố định	423.389.768	535.826.111
Thuế, phí, lệ phí	4.345.621.564	3.974.560.883
Chi phí dự phòng	282.812.500	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	557.704.126	581.241.848
Chi phí khác bằng tiền	835.042.014	705.758.894
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		

**6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Chi phí nhân công	3.809.900.253	4.193.867.472
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.347.902.403	2.610.963.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.791.916.210	1.352.550.307
Chi phí dự phòng	282.812.500	-
Thuế, phí, lệ phí	4.345.621.564	3.974.560.883
Chi phí bằng tiền khác	2.165.034.316	2.034.049.152
<b>Cộng</b>	<b>15.543.187.246</b>	<b>14.165.990.870</b>

**6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(9.926.054.621)	(3.068.525.325)
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.567.092.617	2.589.932.702
+ Chi phí không được trừ	2.567.092.617	2.589.932.702
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(7.358.962.004)	(478.592.623)
Thuế TNDN hiện hành	-	-

**7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mẫu số B 09a - DN

Đơn vị tính: VND

### 8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

#### 8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (chính yếu)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản có định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Kỳ này

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Tổng cộng
Doanh thu thuần	28.784.412.716	14.843.447.292	43.627.860.008
Giá vốn	33.795.204.183	3.732.134.377	37.527.338.560
Lợi nhuận gộp	(5.010.791.467)	11.111.312.915	6.100.521.448
Tổng giá trị còn lại của tài sản			142.642.218.592
Nợ phải trả			60.723.233.616

Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)

Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Tổng giá trị các khoản chi phí không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn

2.576.188.993

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mẫu số B 09a - DN

Đơn vị tính: VND

#### Kỳ trước

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Tổng cộng
Doanh thu thuần	38.135.888.940	12.295.707.747	50.431.596.687
Giá vốn	32.895.043.053	3.904.828.870	36.799.871.923
Lợi nhuận gộp	5.240.845.887	8.390.878.877	13.631.724.764
Tổng giá trị còn lại của tài sản			186.057.733.656
Nợ phải trả			71.867.282.215
Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)			72.453.564
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			4.201.943.894
Tổng giá trị các khoản chi phí không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn			-

#### 8.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (thứ yếu)

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý vì doanh thu bán hàng và dịch vụ chỉ phát sinh ở địa bàn miền Bắc.

#### **8.4 . Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro về ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

#### **Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Mẫu số B 09a - DN**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>30/06/2023</b>	<b>28.198.509.159</b>	<b>104.899.117.214</b>	<b>133.097.626.373</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.462.429.285	-	2.462.429.285
Phải thu khách hàng	3.849.728.610	-	3.849.728.610
Đầu tư tài chính	-	104.787.522.255	104.787.522.255
Phải thu về cho vay	4.500.000.000	-	4.500.000.000
Phải thu khác	17.386.351.264	111.594.959	17.497.946.223
<b>Trừ:</b>	<b>(17.375.108.914)</b>	<b>(33.166.687.474)</b>	<b>(50.541.796.388)</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(17.375.108.914)	-	(17.375.108.914)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(33.166.687.474)	(33.166.687.474)
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.823.400.245</b>	<b>71.732.429.740</b>	<b>82.555.829.985</b>
Các khoản vay và nợ	42.285.456.000	-	42.285.456.000
Phải trả người bán	2.143.245.913	-	2.143.245.913
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	6.347.225.868	4.560.054.788	10.907.280.656
<b>Tổng cộng</b>	<b>50.775.927.781</b>	<b>4.560.054.788</b>	<b>55.335.982.569</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(39.952.527.536)</b>	<b>67.172.374.952</b>	<b>27.219.847.416</b>
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>01/01/2023</b>	<b>28.107.874.444</b>	<b>104.799.117.214</b>	<b>132.906.991.658</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.461.358.856	-	2.461.358.856
Phải thu khách hàng	4.717.153.924	-	4.717.153.924
Đầu tư tài chính	-	104.787.522.255	104.787.522.255
Phải thu về cho vay	4.500.000.000	-	4.500.000.000
Phải thu khác	16.429.361.664	11.594.959	16.440.956.623
<b>Trừ:</b>	<b>(17.092.296.414)</b>	<b>(31.686.497.697)</b>	<b>(48.778.794.111)</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(17.092.296.414)	-	(17.092.296.414)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(31.686.497.697)	(31.686.497.697)
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.015.578.030</b>	<b>73.112.619.517</b>	<b>84.128.197.547</b>
Các khoản vay và nợ	53.234.028.184	-	53.234.028.184
Phải trả người bán	2.892.410.176	-	2.892.410.176
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	3.917.382.464	3.449.738.288	7.367.120.752
<b>Tổng cộng</b>	<b>60.043.820.824</b>	<b>3.449.738.288</b>	<b>63.493.559.112</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(49.028.242.794)</b>	<b>69.662.881.229</b>	<b>20.634.638.435</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**Mẫu số B 09a - DN****(iv) Giá trị hợp lý**

Đơn vị tính: VND

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.462.429.285	2.461.358.856	2.462.429.285	2.461.358.856
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	21.347.674.833	21.158.110.547	3.972.565.919	4.065.814.133
Phải thu về cho vay	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000
Đầu tư	104.787.522.255	104.787.522.255	(*)	(*)
<b>Tổng cộng</b>	<b>133.097.626.373</b>	<b>132.906.991.658</b>	<b>(*)</b>	<b>(*)</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	2.143.245.913	2.892.410.176	2.143.245.913	2.892.410.176
Phải trả khác và chi phí phải trả	10.907.280.656	7.367.120.752	10.907.280.656	7.367.120.752
Các khoản vay và nợ	42.285.456.000	53.234.028.184	42.285.456.000	53.234.028.184
<b>Tổng cộng</b>	<b>55.335.982.569</b>	<b>63.493.559.112</b>	<b>55.335.982.569</b>	<b>63.493.559.112</b>

(\*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 01/01/2023 và ngày 30/06/2023. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

**8.5 . Thông tin về các bên liên quan****a) Các bên liên quan**

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP  
 Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bắc Qua  
 Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Yên  
 Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm  
 Công ty Cổ phần Ẩm thực Hà Nội  
 Bà Dương Thị Lam  
 Bà Ngô Lan Hương  
 Bà Phan Thị Thu Hiền  
 Bà Phạm Diễm Hoa  
 Bà Trần Huệ Linh

**Mối quan hệ**

Cổ đông lớn  
 Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty liên kết  
 Công ty liên kết  
 Chủ tịch HĐQT  
 Thành viên HĐQT  
 Thành viên HĐQT  
 Thành viên HĐQT  
 Thành viên HĐQT  
 Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm  
 09/05/2023)  
 Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm  
 09/05/2023)  
 Thành viên ban kiểm soát  
 Thành viên ban kiểm soát  
 Giám đốc  
 Phó giám đốc  
 Phó giám đốc  
 Phó giám đốc

Bà Nguyễn Thu Hương

Ông Đào Mạnh Hùng

Ông Nguyễn Việt Hùng

Ông Nguyễn Việt Thắng

Ông Nguyễn Thái Dũng

Ông Chu Việt Cường

Bà Lê Thị Ngọc Diệp

Bà Đinh Thị Chuyên

Ngoài ra, các bên liên quan còn bao gồm các cá nhân có mối quan hệ vợ, chồng,... của các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

**Giao dịch với các bên liên quan**

Ngoài các thuyết minh về các bên liên quan đã nêu trên, trong năm Công ty có những giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Yên	Mua hàng hóa, dịch vụ	57.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Bắc Qua	Bán hàng	8.002.943
Công ty Cổ phần Ẩm thực Hà Nội	Tiền thuê mặt bằng	275.181.818
	Thu tiền đặt cọc	7.250.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	Lãi cho vay	237.562.500
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	Lãi vay	2.280.769.597



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

**b) Thu nhập chi trả trong kỳ cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Bà Dương Thị Lam	Chủ tịch HĐQT	30.000.000	30.000.000
Bà Ngô Lan Hương	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Đinh Tiến Thành	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm 20/5/2022)	-	15.000.000
Bà Phan Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm 20/05/2022)	18.000.000	3.000.000
Bà Phạm Diễm Hoa	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Bà Trần Huệ Linh	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thu Hương	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm 09/05/2023)	8.000.000	12.000.000
Ông Đào Mạnh Hùng	Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm 09/05/2023)	4.000.000	-
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên ban kiểm soát	6.000.000	6.000.000
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên ban kiểm soát	6.000.000	6.000.000
Ông Nguyễn Thái Dũng	Giám đốc	340.194.085	197.849.242
Bà Nguyễn Ngọc Dung	Giám đốc (Miễn nhiệm 25/01/2022)	-	69.782.637
Ông Chu Việt Cường	Phó Giám đốc	179.987.353	164.656.052
Bà Lê Thị Ngọc Diệp	Phó Giám đốc	130.819.353	127.296.022
Bà Đinh Thị Chuyên	Phó Giám đốc	23.547.917	127.661.363
<b>Tổng cộng</b>		<b>800.548.708</b>	<b>813.245.316</b>

**8.6 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

**8.7 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính riêng này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**8.8 . Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

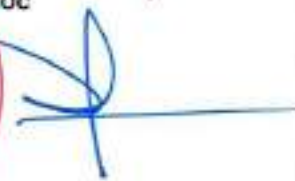
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội ngày 15 tháng 08 năm 2023

Giám đốc



Phùng Thị Thúy

Vũ Thị Mai Hồng

Nguyễn Thái Dũng